

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 29 - 5- 2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Hoàng Duyên

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 24, tổ 4, ấp HM, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Hồ Đình H, sinh năm 1969

Địa chỉ: 6507 E 18 TH Kansas City Mo 64126, USA.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N trình bày:

Năm 2018, bà quen ông Hồ Đình H, quá trình tìm hiểu ông bà có tình cảm với nhau nên quyết định tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân huyện H Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/6/2018. Sau khi kết hôn ông H trở về Mỹ làm thủ tục bảo lãnh bà sang Mỹ để đoàn tụ, nhưng thủ tục bảo lãnh không thành nên ông bà phát sinh mâu thuẫn. Khoảng thời gian này ông sống tại Mỹ, bà N sống tại Việt Nam nên cơ hội hàn gắn quan hệ vợ chồng không có, dần dần tình cảm phai nhạt và không còn liên lạc với nhau.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Hồ Đình H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- **Bị đơn ông Hồ Đình H:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Hồ Đình H thông báo cho ông H về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thúy N và thời gian giải quyết vụ án, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Hồ Đình H vắng mặt, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Hiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với ông Hồ Đình H Tòa án đã ủy thác tổng đạt hợp lệ nhưng ông H vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Phạm Thị Thúy N và ông Hồ Đình H quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/6/2018. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thúy N và ông Hồ Đình H là hợp pháp.

Bà N xác định, sau khi kết hôn ông H trở về Mỹ làm thủ tục bảo lãnh bà N sang Mỹ đoàn tụ với ông Hiệp nhưng thủ tục bảo lãnh không thành, nên bên phát sinh mâu thuẫn, do điều kiện ở xa nên không có điều kiện hàn gắn, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ và ông H đã nhận được thông báo của của Tòa án, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông H vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N để Tòa án xem xét.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thúy N và ông Hồ Đình H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thúy N.

[3] Về con chung: Bà N xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã tạm nộp.

[7] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà N phải nộp 95 USD, bà N đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy N được ly hôn với ông Hồ Đình H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0009900 ngày 04/7/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Phạm Thị Thúy N phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số ứng lệ phí số 0032573 ngày 17/5/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang. Bà N phải chịu phí thực tế ủy thác tư pháp số tiền 95 USD, bà N đã nộp xong theo chứng từ giao dịch ngày 15/7/2022 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thúy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Hồ Đình H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Hòn Đất
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn